KỲ THI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUỐC GIA NĂM 2018.
Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI
Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ
Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề.

Họ, tên thí sinh:……
Số báo danh:…….

Mã đề thi 003

Câu 41. Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi

A. vị trí địa lí. B. vai trò của biển Đông.
C. sự hiện diện của các khối khí. D. hướng các dãy núi.

Câu 42. Đặc điểm **không** đúng về chất lượng nguồn lao động nước ta là

A. cần cù, sang tạo, ham học hỏi. B. có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp.
C. có tác phong công nghiệp, chuyên nghiệp. D. chất lượng lao động ngày càng được nâng lên.

Câu 43. Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Lào và Trung Quốc?

A. Sơn La. B. Lào Cai. C. Lai Châu. D. Điện Biên.

Câu 44. Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết gió Tây khô nóng hoạt động chủ yếu ở vùng khí hậu nào?

A. Bắc Trung Bộ. B. Tây Nguyên. C. Tây Bắc Bộ. D. Trung và Nam Bắc Bộ.

Câu 45. Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết núi cao nhất dãy Trường Sơn Nam ?

A. Ngọc Linh. B. Bi Duop C. Lang Bi Ang. D. Chư Yang Sin.

Câu 46. Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết phần lớn diện tích đất mặt nước nuôi trồng thủy sản tập trung tại

A. Đồng bằng sông Hồng. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Bắc Trung Bộ. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 47. Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết hai tỉnh có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn nhất nước ta năm 2007 là

A. Gia Lai, Tây Ninh. B. Lâm Đồng, Kon Tum.
C. Bình Phước, Đăk Lăk D. Bình Dương, Bà Rịa-Vũng tàu

Câu 48. Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp có quy mô từ trên 40 đến 120 nghìn tỉ đồng

A. Hải Phòng. B. Hà Nội. C. Phan thiết. D. Đà Nẵng.

Câu 49. Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết ba nhà máy nhiệt điện có công suất lớn nhất nước ta năm 2007 là

A. Phả Lại, Ninh Bình, Phú Mỹ. B. Phả Lại, Cà Mau, Phú Mỹ.

C. Phả Lại, Cà Mau, Trà Nóc. D. Phú Mỹ, Bà Rịa, Cà Mau.

Câu 50. Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết tuyến quốc lộ nào sau đây không kết nối Tây Nguyên với Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Quốc lộ 24. B. Quốc lộ 20. C. Quốc lộ 25. D. Quốc lộ 19.

Câu 51. Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về khách du lịch và doanh thu từ du lịch

A. doanh thu du lịch liên tục.

B. khách nội địa luôn nhiều hơn khách quốc tế.

C. giai đoạn 1995-2007, khách nội địa tăng nhanh hơn khách quốc tế.

D. giai đoạn 1995-2007, khách nội địa tăng chậm hơn khách quốc tế.

Câu 52. Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết nhận xét nào đúng về ba vùng kinh tế trọng điểm năm 2007?

A. Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc có GDP bình quân thấp nhất.

B. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung có tất cả các tỉnh thu nhập GDP bình quân đầu người dưới 6 triệu đồng/người.

C. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam chiếm 42,7% GDP cả nước.

D. Ba vùng kinh tế trọng điểm chiếm 61,9% GDP cả nước.

Câu 53. Các trụ cột chính của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại đều có đặc điểm chung là

A. chi phí sản xuất lớn B. hàm lượng tri thức cao.

C. thời gian nghiên cứu dài. D. xuất hiện ở các nước đang phát triển.

Câu 54. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với đặc điểm dân cư Hoa Kì?

A. Dân số tăng nhanh. B. Dân nhập cư chủ yếu có nguồn gốc Châu Phi.

C. Dân số đông. D. Dân số tăng chủ yếu do nhập cư.

Câu 55. Kinh tế Nhật bản phát triển nhanh trong giai đoạn 1955-1973 **không** do nguyên nhân nào?

A. Chú trọng đầu tư hiện đại hóa. B. Mở rộng đầu tư ra nước ngoài.

C. Duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng. D. Tập trung cao độ vào các ngành then chốt.

Câu 56. Trung Quốc là một quốc gia rộng lớn nằm ở

A. Đông Á. B. Bắc Á. C. Đông Bắc Á. D. Đông Nam Á.

Câu 57. Kinh tế của EU phụ thuộc nhiều vào hoạt động

A. hàng không, tài chính. B. xuất khẩu, nhập khẩu.

C. vận tải đường biển. D. đầu tư nước ngoài.

Câu 58. Thành tự lớn nhất của ASEAN là

A. đời sống nhân dân được cải thiện. B. tạo dựng được môi trường hòa bình , ổn định.

C. cơ sở hạ tầng phát triển hiện đại. D. có 10/11 quốc gia trong khu vực là thành viên.

Câu 59. Đặc điểm đặc trưng của nền nông nghiệp nước ta là

A. có sản phẩm đa dạng. B. nông nghiệp thâm canh trình độ cao.

C. nông nghiệp nhiệt đới. D. nông nghiệp đang hiện đại hóa và cơ giới hóa.

Câu 60. Cho biểu đồ về rừng của nước ta qua một các năm

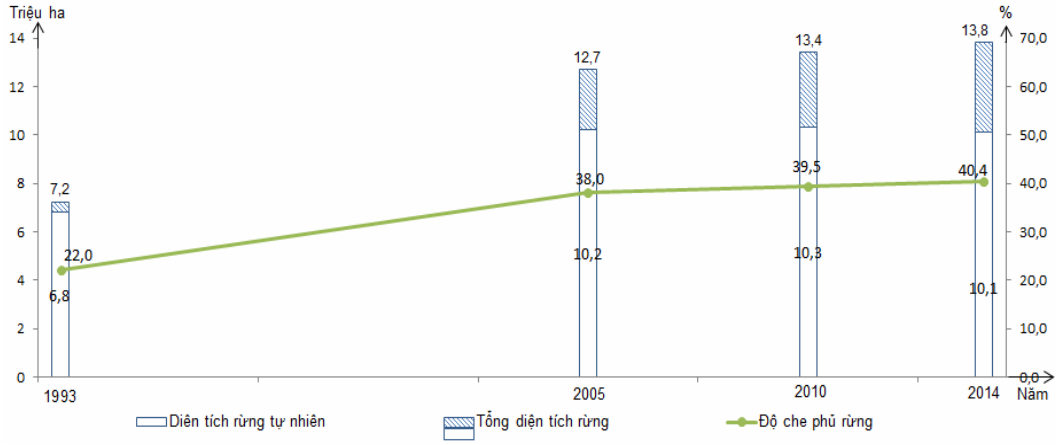

(Nguồn niên giám thống kê Việt Nam 2014, NXB Thống kê,2015)

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Diện tích rừng và độ che phủ rừng của nước ta qua các năm.

B. Cơ cấu diện tích rừng của nước ta qua các năm.

C. Tốc độ tăng diện tích rừng và độ che phủ rừng của nước ta qua các năm.

D. Quy mô và cơ cấu diện tích rừng của nước ta qua các năm.

Câu 61. Cho bảng số liệu

GDP CỦA LIÊN BANG NGA QUA CÁC NĂM.(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	**1991**	**1995**	**2000**	**2004**	**2010**	**2014**
GDP	475,5	363,9	259,7	582,4	1524,9	1860,6

(Nguồn niên giám thống kê Việt Nam 2014, NXB Thống kê,2015)

Nhận xét nào sau đây là chính xác về GDP của LB Nga?

A. tăng liên tục. B. giảm liên tục.

C. tăng không đều. D. giảm đến năm 2000 sau đó tăng liên tục.

Câu 62. Để tăng sản lượng khai thác thủy sản, vấn đề quan trọng nhất cần giải quyết là

A. tìm kiếm ngư trường mới. B.phổ biến kinh nghiệm và trang bị kiến thức cho ngư dân.

C. mở rộng quy mô nuôi trồng thủy sản. D. đầu tư trang thiết bị hiện đại để khai thác xa bờ.

Câu 63. Tiềm năng thủy điện lớn nhất nước ta tập trung ở vùng

A. ĐB sông Hồng. B. TD&MN Bắc Bộ. C. Bắc Trung Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 64. Các dãy núi trong khu vực núi Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có hướng chính là

A. tây bắc- đông nam.
B. đông-tây.
C. vòng cung.
D. đông bắc-tây nam.

Câu 65. Hạn chế lớn nhất của mặt hàng xuất khẩu nước ta là

A. tỉ trọng hàng gia công lớn.
B. chấtlượng hàng xuất khẩu chưa cao.
C. tỉ trọng hàng chế biến còn thấp.
D. phải nhập nguyên liệu.

Câu 66. Các trung tâm công nghiệp của nước ta tập trung chủ yếu ở

A. Duyên hải Nam Trung Bộ.
B. Đông Nam Bộ.
C. Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận.
D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 67. Cho bảng số liệu:

SỐ KHÁCH DU LỊCH QUỐC TẾ ĐẾN VÀ CHI TIÊU
CỦA KHÁCH DU LỊCH Ở MỘT SỐ KHU VỰC NĂM 2003.

Khu vực	**Số khách du lịch đến (nghìn lượt người)**	**Chi tiêu của khách du lịch (triệu USD)**
Đông Á	67230	70594
Đông Nam Á	38468	18356
Tây Nam Á	41394	18419

(Nguồn niên giám thống kê Việt Nam 2003, NXB Thống kê,2004)

Căn cứ bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về hoạt động du lịch ở Đông Nam Á so với Đông Á và Tây Nam Á?

A. Bình quân chi tiêu mỗi lượt khách ở Tây Nam Á thấp nhất.
B. Số lượt khách du lịch ở khu vực Đông Nam Á nhiều hơn khu vực Đông Á và Tây Nam Á.
C. Tổng chi tiêu của khách du lịch khu vực Đông Á lớn hơn khu vực Đông Nam Á.
D. Hoạt động du lịch ở Đông Nam Á năm 2003 phát triển mạnh nhất so với Đông Á và Tây Nam Á .

Câu 68. Biện pháp vững chắc, hiệu quả nhất để hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta là

A. ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.
B. đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.
C. đa dạng hóa cơ cấu ngành công nghiệp.
D. hạ giá thành sản phẩm.

Câu 69. Cho biểu đồ:

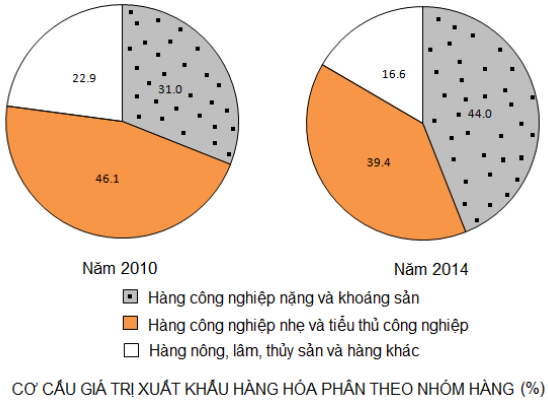

(Nguồn niên giám thống kê Việt Nam 2014, NXB Thống kê,2015)

Căn cứ vào biểu đồ, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo nhóm hàng của nước ta năm 2010 và năm 2014?

A. Tỉ trọng hàng công nghiệp nặng và khoáng sản tăng.

B. Tỉ trọng hàng nông, lâm thuỷ sản và hàng khác tăng .

C. Tỉ trọng hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng.

D. Tỉ trọng hàng công nghiệp nặng và khoáng sản giảm.

Câu 70. Một nền kinh tế tăng trưởng bền vững thể hiện ở

A. nhịp độ tăng trưởng cao và ổn định.

B. nhịp độ tăng trưởng cao và có cơ cấu kinh tế hợp lí.

C. cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch hợp lí.

D. tốc độ tăng trưởng cao và bảo vệ được môi trường.

Câu 71. Đặc điểm **không** đúng với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. có diện tích lớn nhất so với các vùng khác.

B. có sự phân hóa thành hai tiểu vùng.

C. có số dân đông nhất so với các vùng khác.

D. cả Trung Quốc và Lào.

Câu 72. Hạn chế lớn nhất đối với phát triển công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

A. tài nguyên khoáng sản không thật phong phú.

B. cơ sở vật chất- kĩ thuật chưa đồng bộ.

C. chất lượng nguồn lao động còn hạn chế.

D. thu hút đầu tư nước ngoài vào phát triển công nghiệp còn hạn chế.

Câu 73. Vùng đồi gò trước núi của Bắc Trung Bộ có thế mạnh về

A. chăn nuôi gia súc lớn.

B. phát triển cây công nghiệp hàng năm.

C. chăn nuôi gia cầm.

D. phát triển cây lương thực.

Câu 74. Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều điều kiện xây dựng cảng nước sâu là do

A. có ít đảo ven bờ.

B. có đường bờ biển dài.

C. có nhiều vịnh, vụng, thềm lục địa sâu, ít bị sa bồi.

D. có kinh tế phát triển nhanh nên nhu cầu vận tải đường biển lớn.

Câu 75. Biện pháp hiệu quả nhất để hạn chế nạn phá rừng ở Tây Nguyên là

A. chỉ khai thác rừng sản xuất.

B. tăng cường kiểm tra, xử phạt những vi phạm.

C. tích cự trồng rừng để bù lại diện tích rừng bị mất.

D. giao đất, giao rừng để người dân quản lí.

Câu 76. Giải pháp quan trọng giúp Đông Nam Bộ đảm bảo đủ nguồn năng lượng điện là

A. xây nhiều nhà máy nhiệt điện. B. nhập khẩu năng lượng điện.

C. xây nhiều nhà máy thủy điện. D. tận dụng nguồn điện từ đường dây 500KW Bắc- Nam.

Câu 77. Khó khăn lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long vào mùa khô là

A. thiếu nước ngọt . B. xâm nhập mặn và nhiễm phèn.

C.thủy triều tác động mạnh. D. cháy rừng.

Câu 78. Các đảo, quần đảo nước ta **không** thể hiện vài trò nào sau đây?

A. Hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền.

B. Là căn cứ để nước ta phát triển kinh tế tiến ra biển và đại dương.

C. Là căn cứ để xây dựng khu bảo tồn trên các đảo.

D. Là cơ sở để khai thác hiệu quả nguồn lợi biển, đảo, thềm lục địa.

Câu 79. Nghề làm muối phát triển nhất ở vùng nào sau đây?

A. Đồng bằng sông Hồng. B. Bắc Trung Bộ.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 80. Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NƯỚC TA, THỜI KÌ 1990- 2009.

(đơn vị: tỉ đồng)

Năm	**Nông - lâm - ngư nghiệp**	**Công nghiệp - xây dựng**	**Dịch vụ**
1990	42 003	33 221	56 704
1997	55 895	75 474	99 895
2005	76 905	157 808	158 276
2009	88 168	214 799	213 601

(Nguồn niên giám thống kê Việt Nam 2010, NXB Thống kê,2011)

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) phân theo khu vực kinh tế của nước ta thời kì 1990 – 2009, sau khi xử lí ra đơn vị % là

A. miền. B.tròn. C. đường. D. cột chồng.

----------HẾT----------

- Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành trong khi làm bài thi.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.